

Hiến pháp 2013

GV Trần Quang Vũ

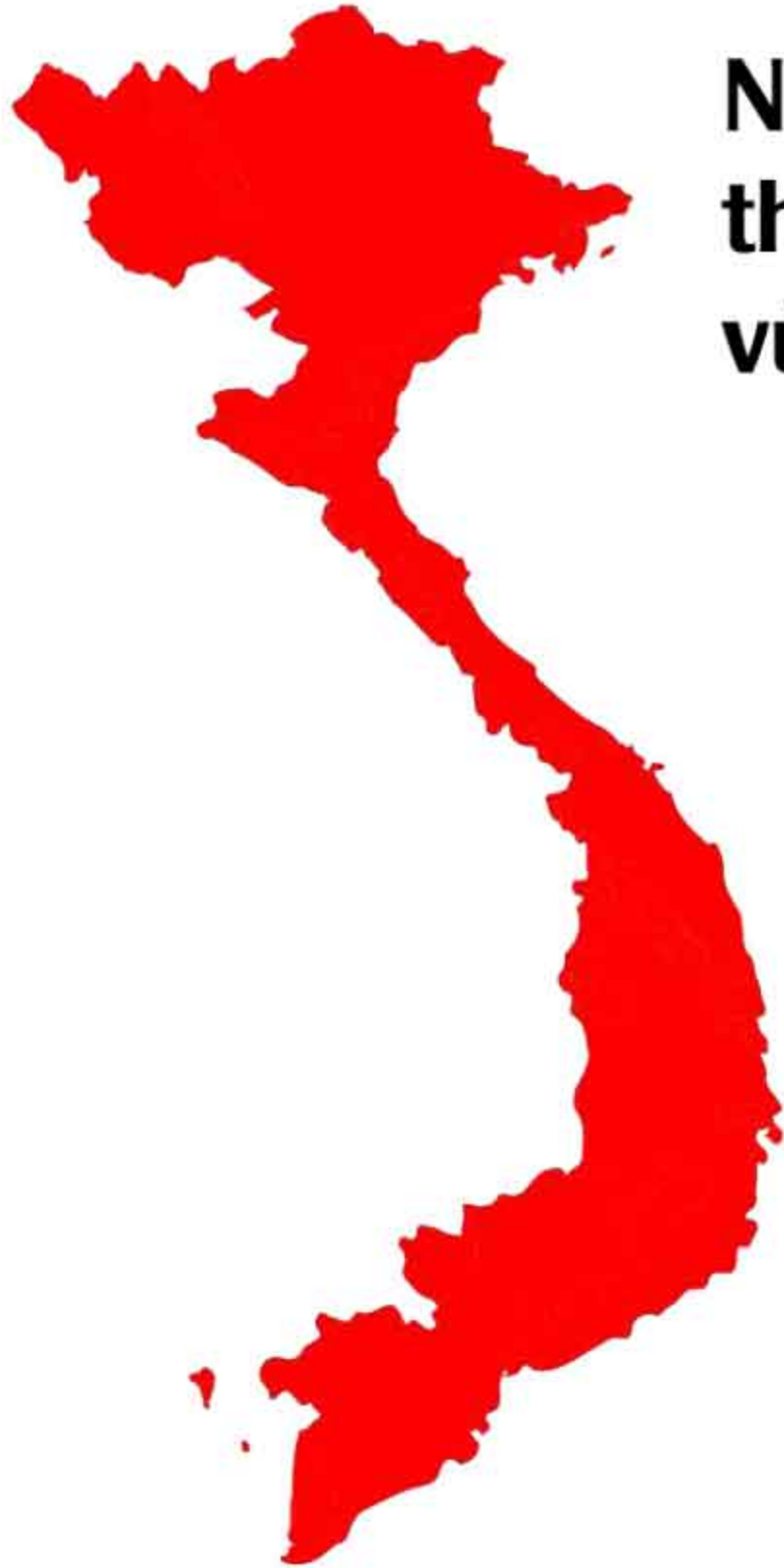
Hiến pháp 2013



Chương I: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

Chương I: Chế độ chính trị

Điều 1, Điều 2

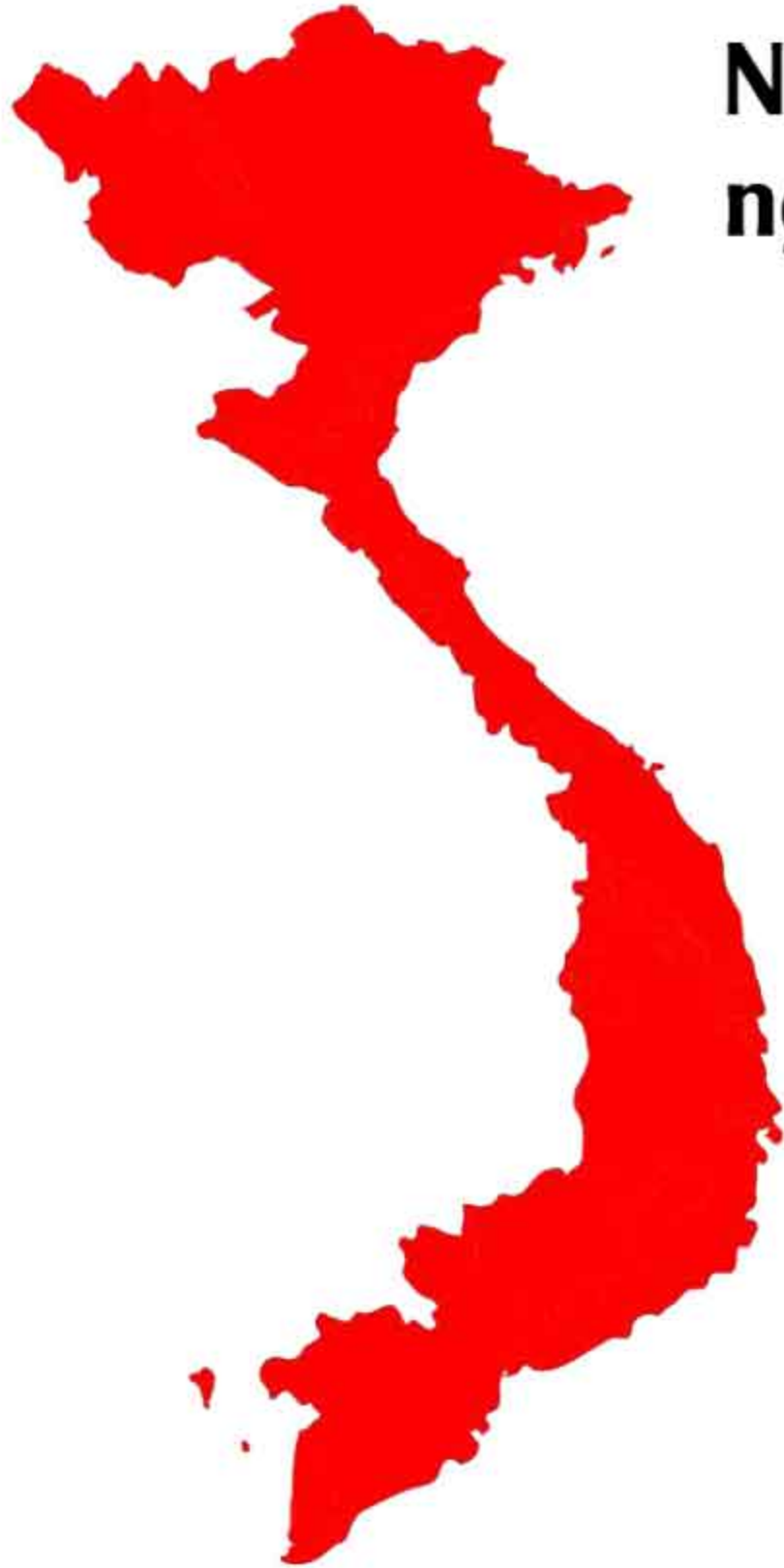


Nước CHXHCN Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 1, Điều 2

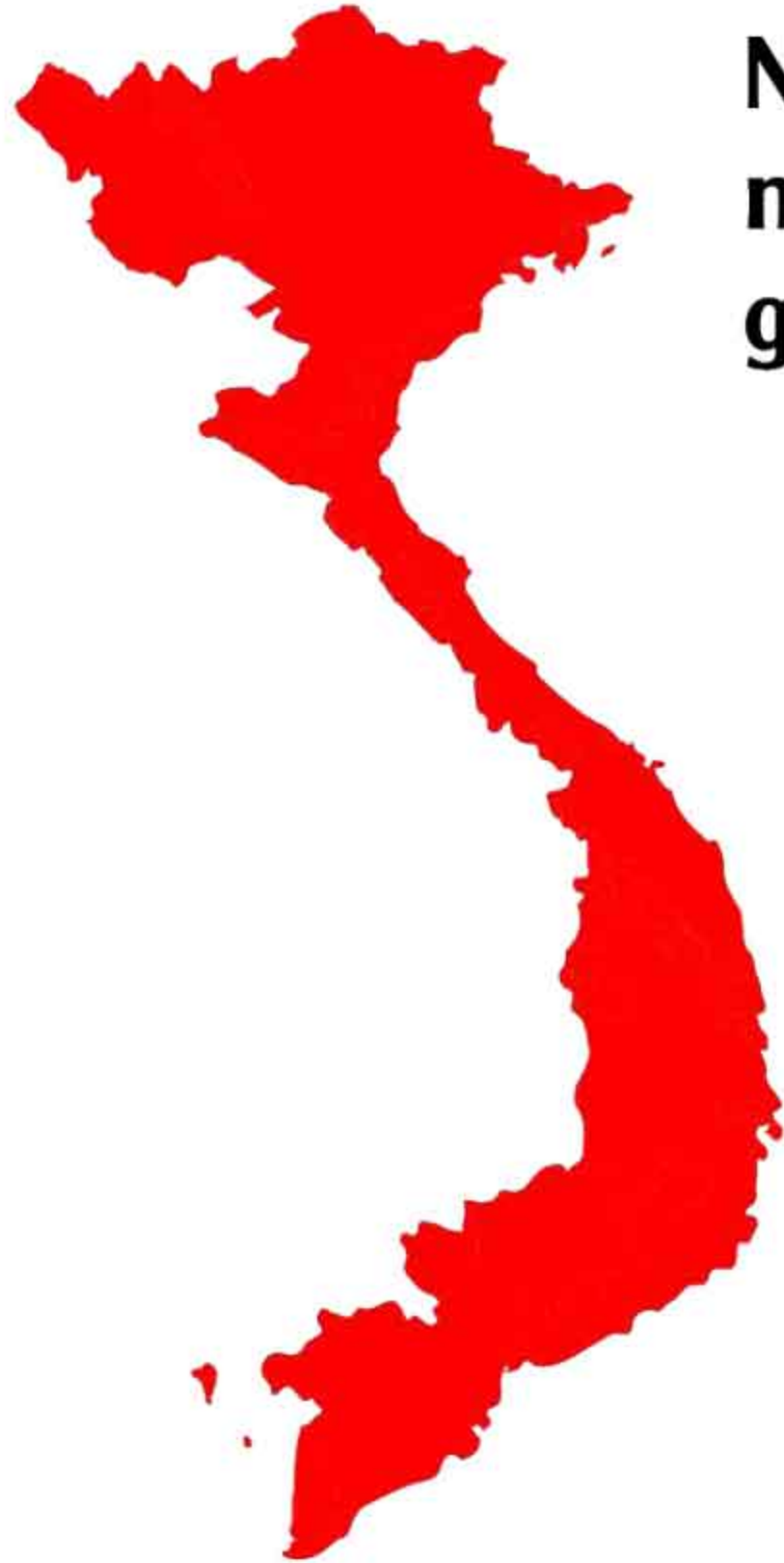


Nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 1, Điều 2

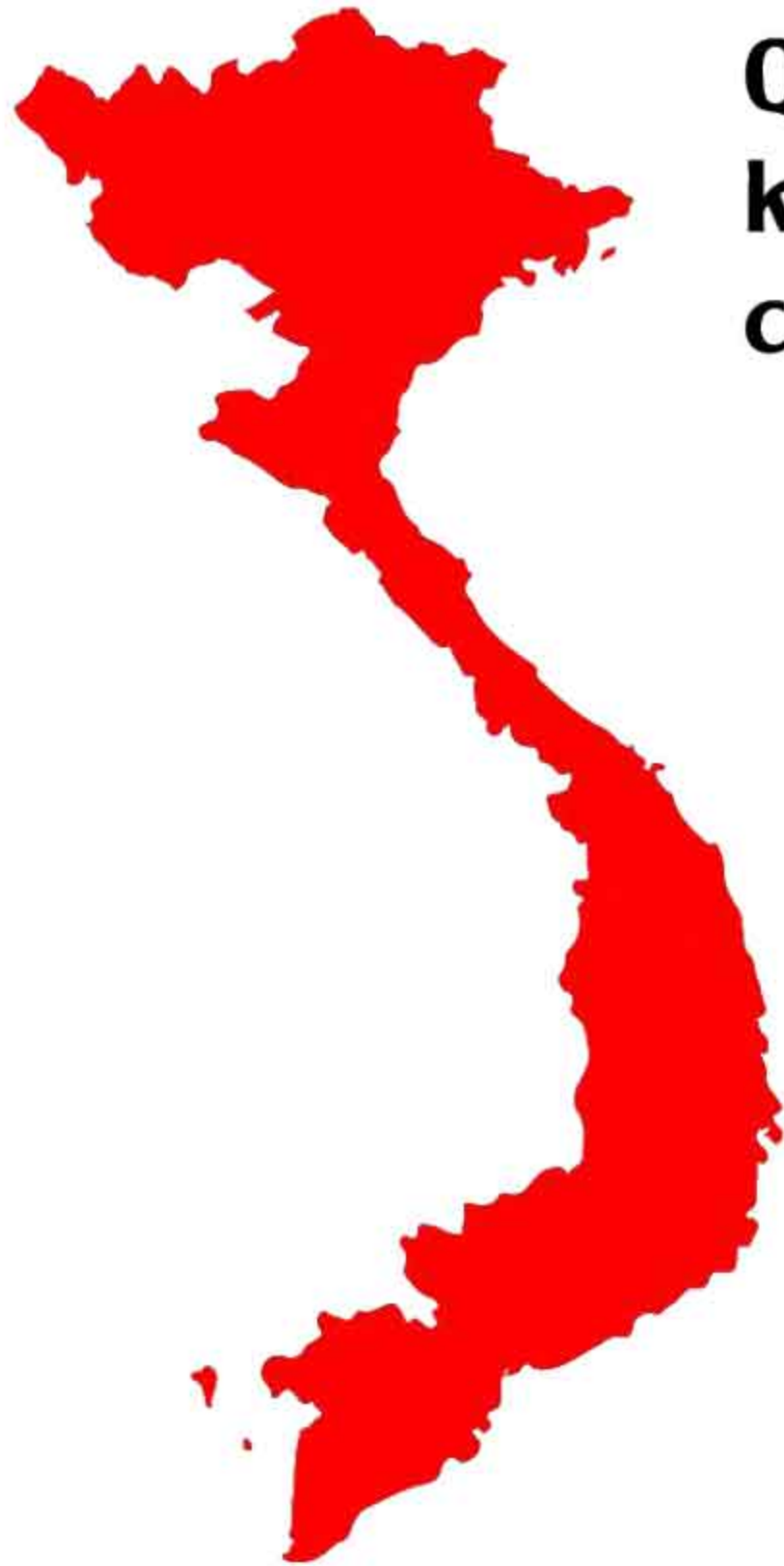


Nước CHXHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

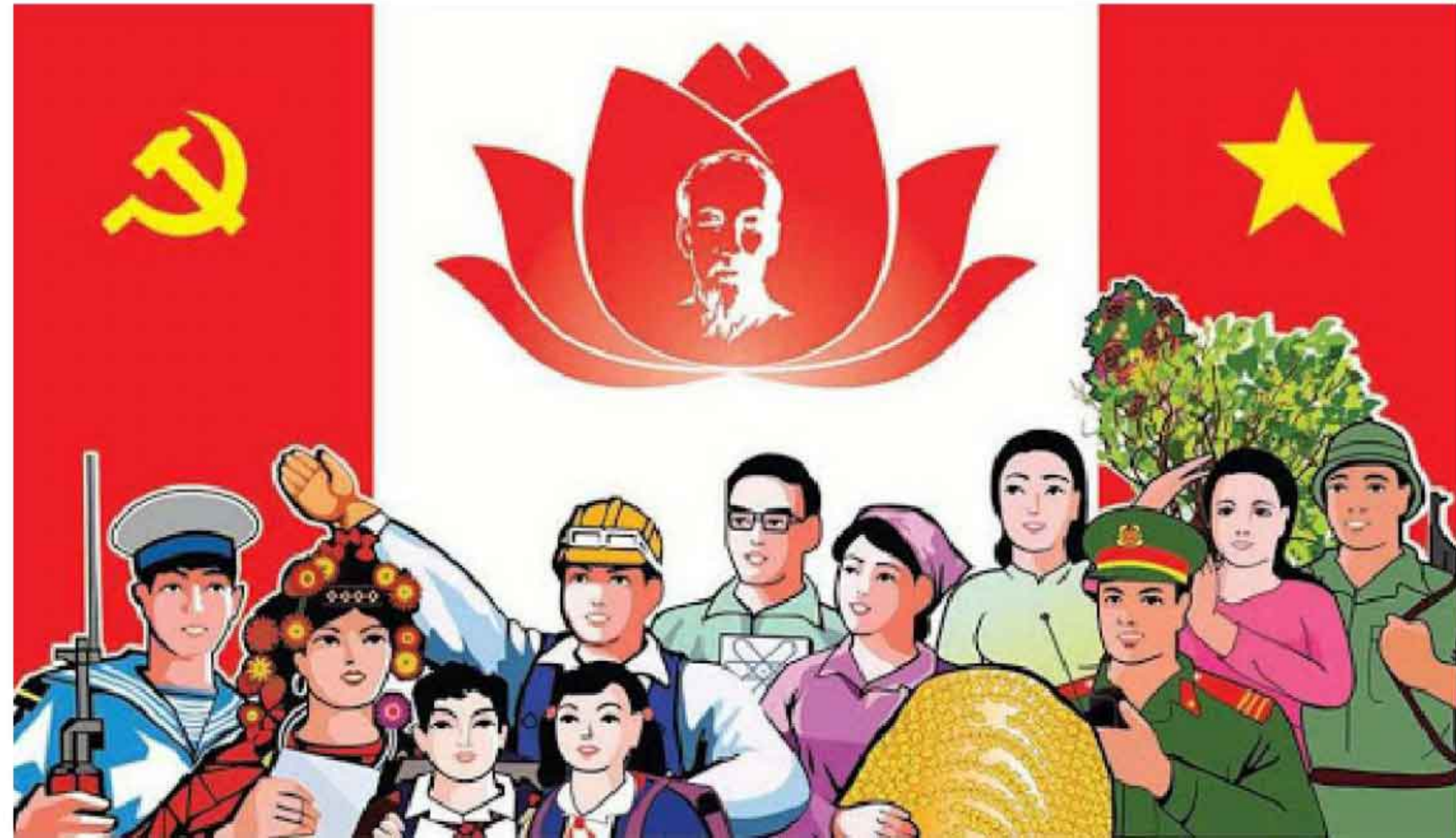


Chương I: Chế độ chính trị

Điều 1, Điều 2

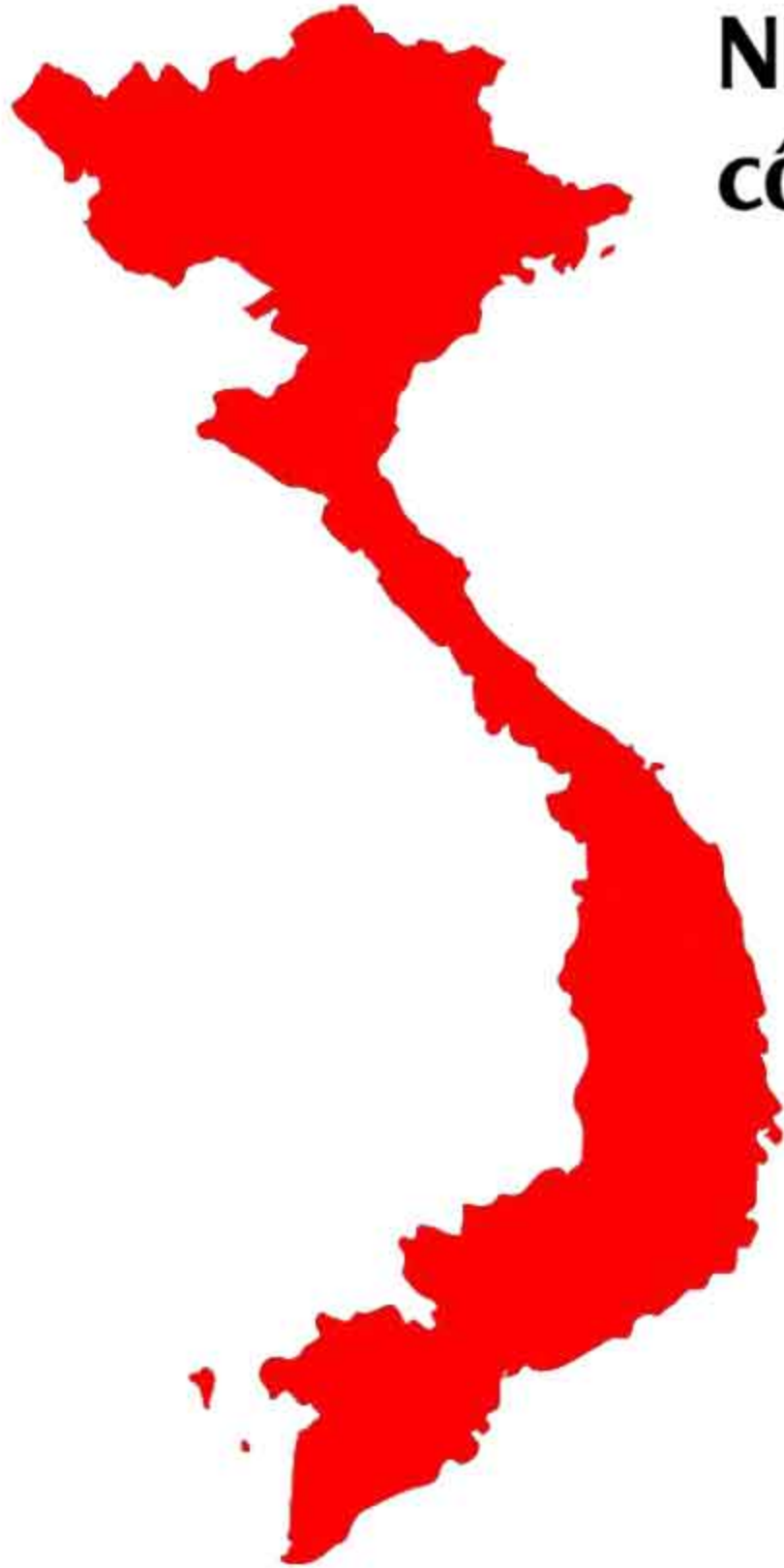


Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 1, Điều 2

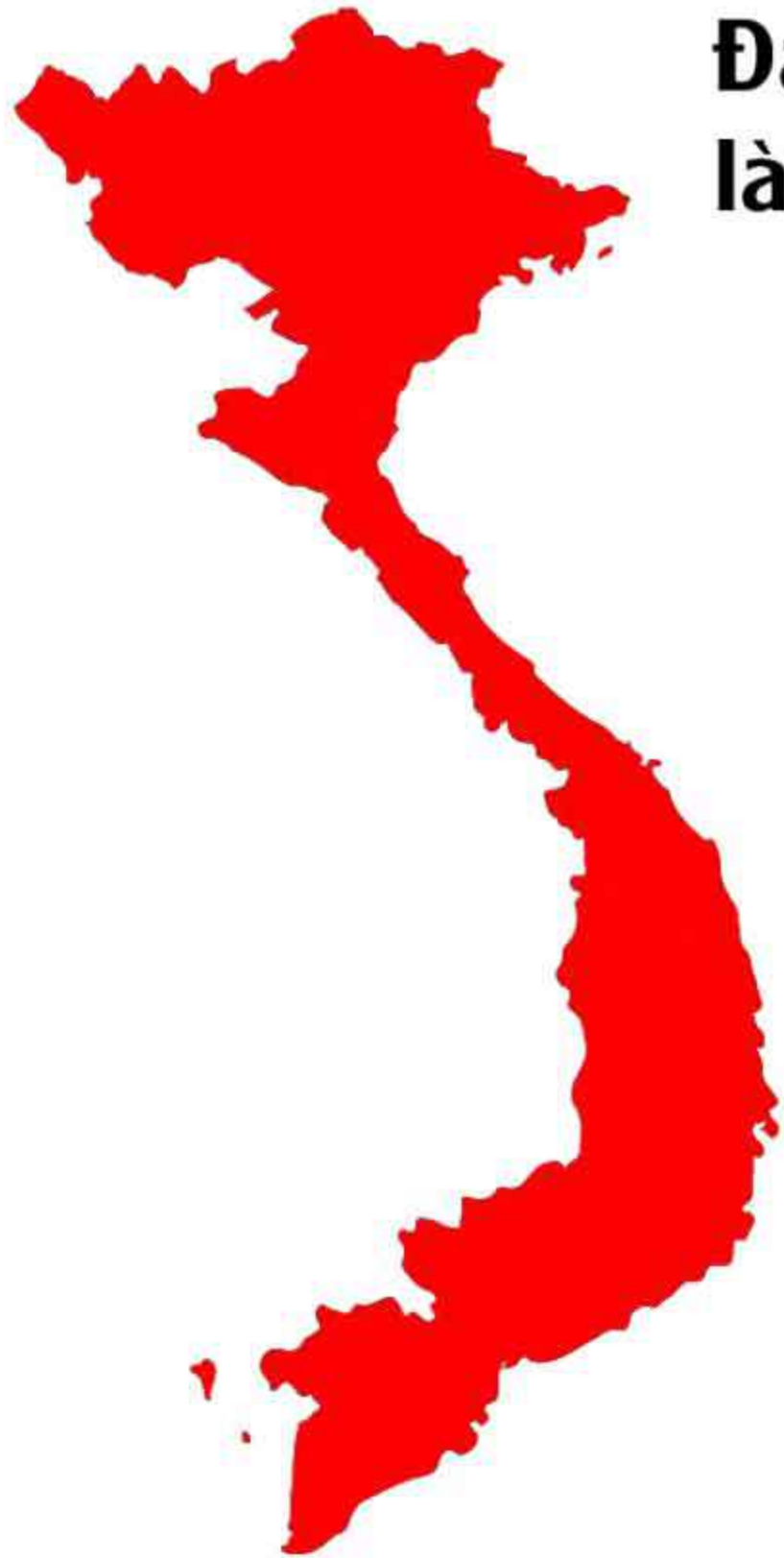


Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 4, Điều 5

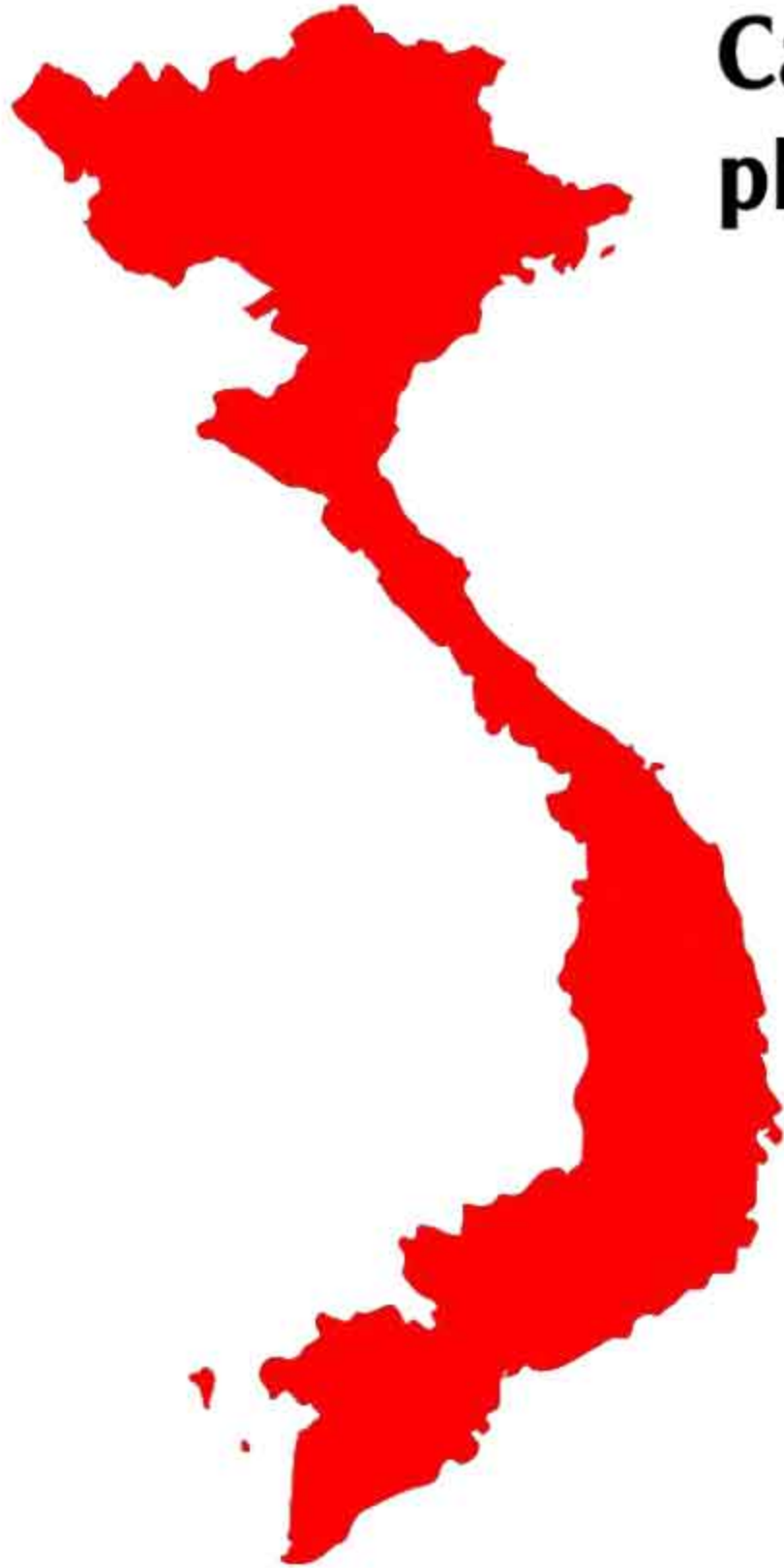


Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 4, Điều 5



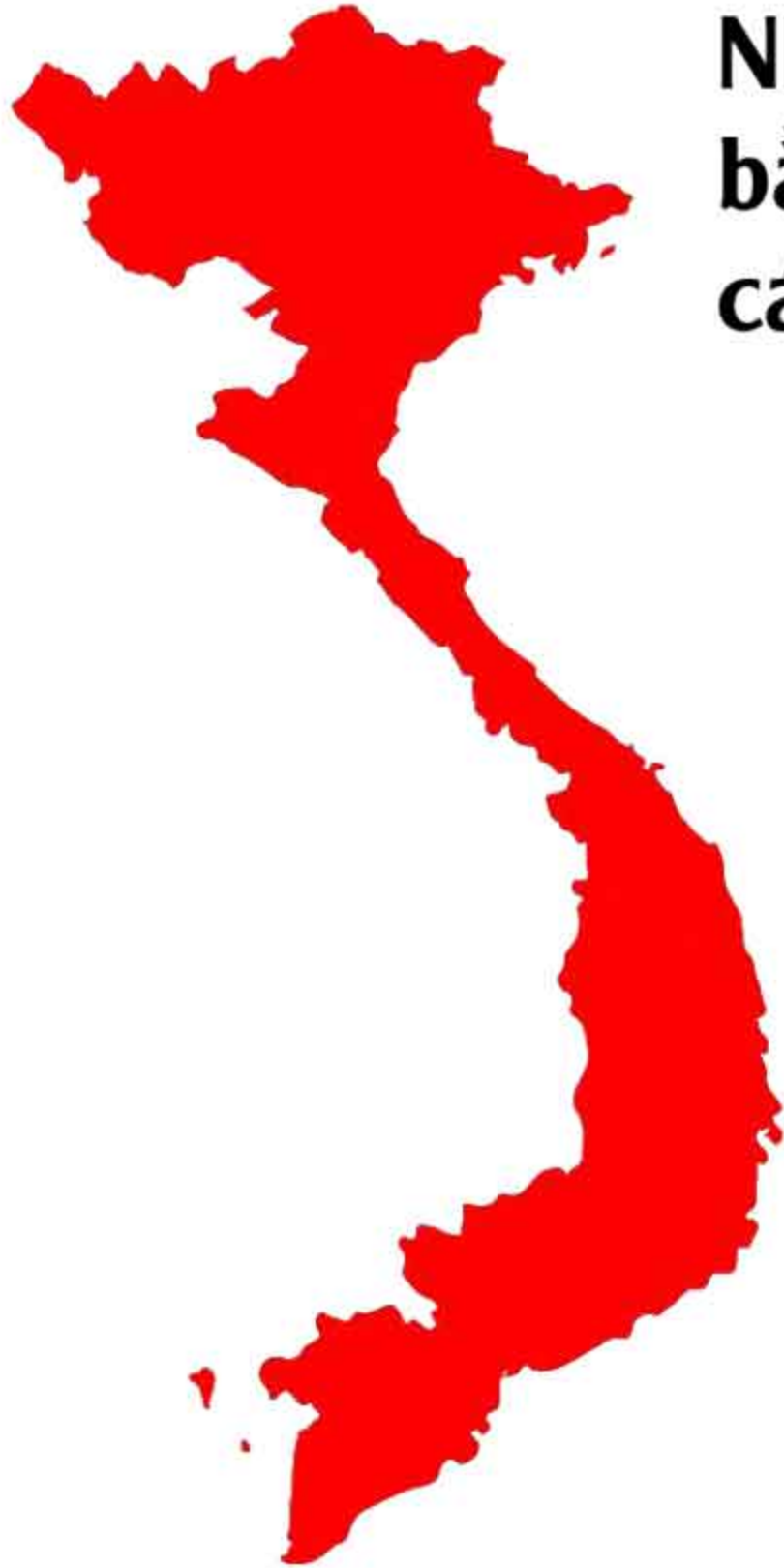
Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 6, Điều 7

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 8, Điều 9



Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 8, Điều 9

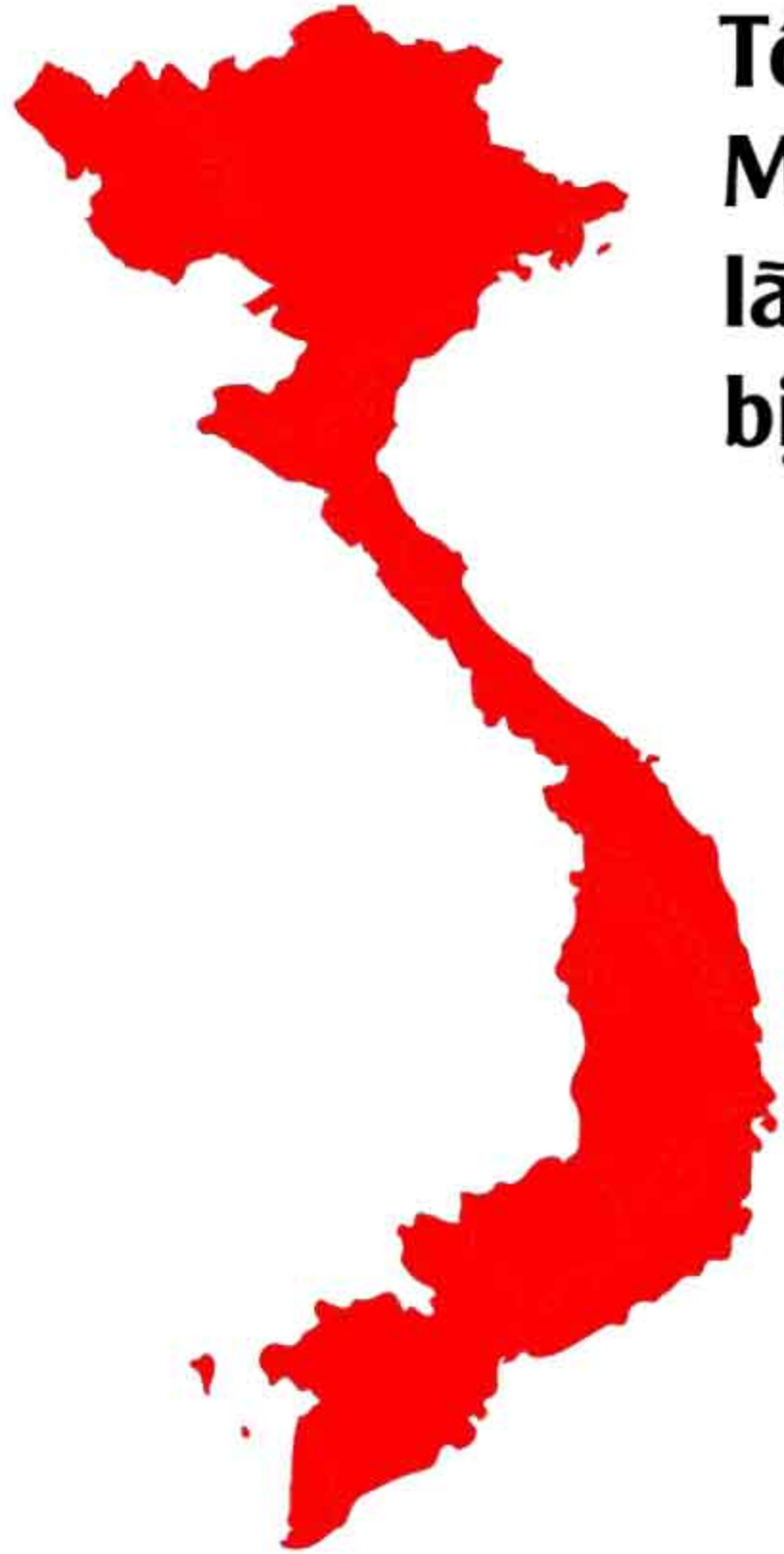
Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình;



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 11

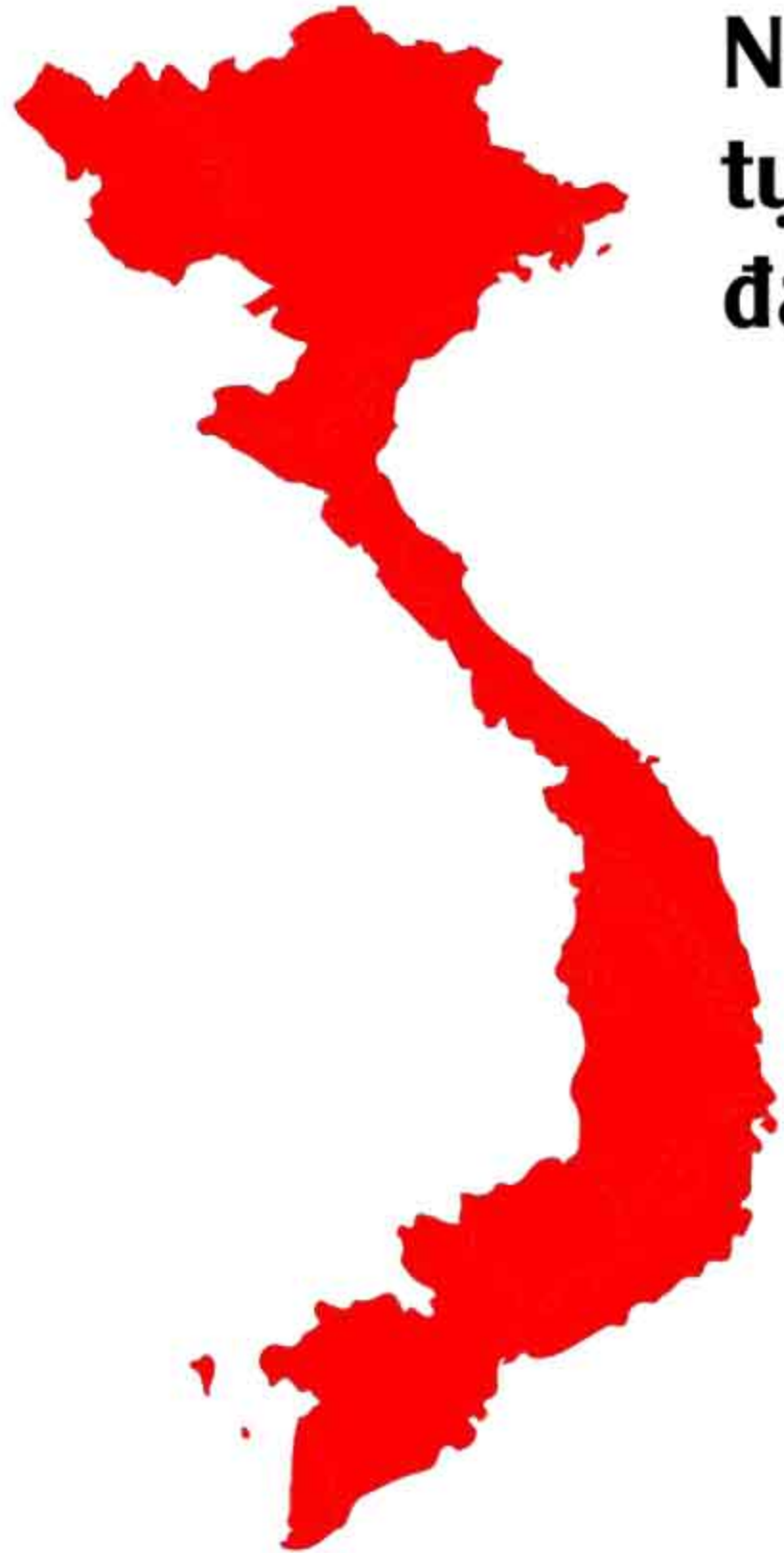
Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 12

Nước Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế



Chương I: Chế độ chính trị

Điều 13

Quốc kỳ nước Việt Nam hình chữ nhật, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Quốc huy nước Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Chương II: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Chương II: Quyền con người

Điều 14: Quyền con người

Ở nước Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ.



Chương II: Quyền con người

Điều 15: Thực hiện quyền công dân



Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân



Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác



Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đv NN

Chương II: Quyền con người

Điều 17: Công dân Việt Nam



Công dân Việt Nam là người có quốc tịch VN



Công dân VN không thể bị trục xuất, giao nộp cho NN khác



Công dân VN ở nước ngoài được NN bảo hộ

Chương II: Quyền con người

Điều 14: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài



Người VN định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc VN

Việt Nam khuyến khích & tạo điều kiện phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Chương II: Quyền con người

Điều 19: Mọi người có quyền sống



**Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ.
Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.**

Chương II: Quyền con người

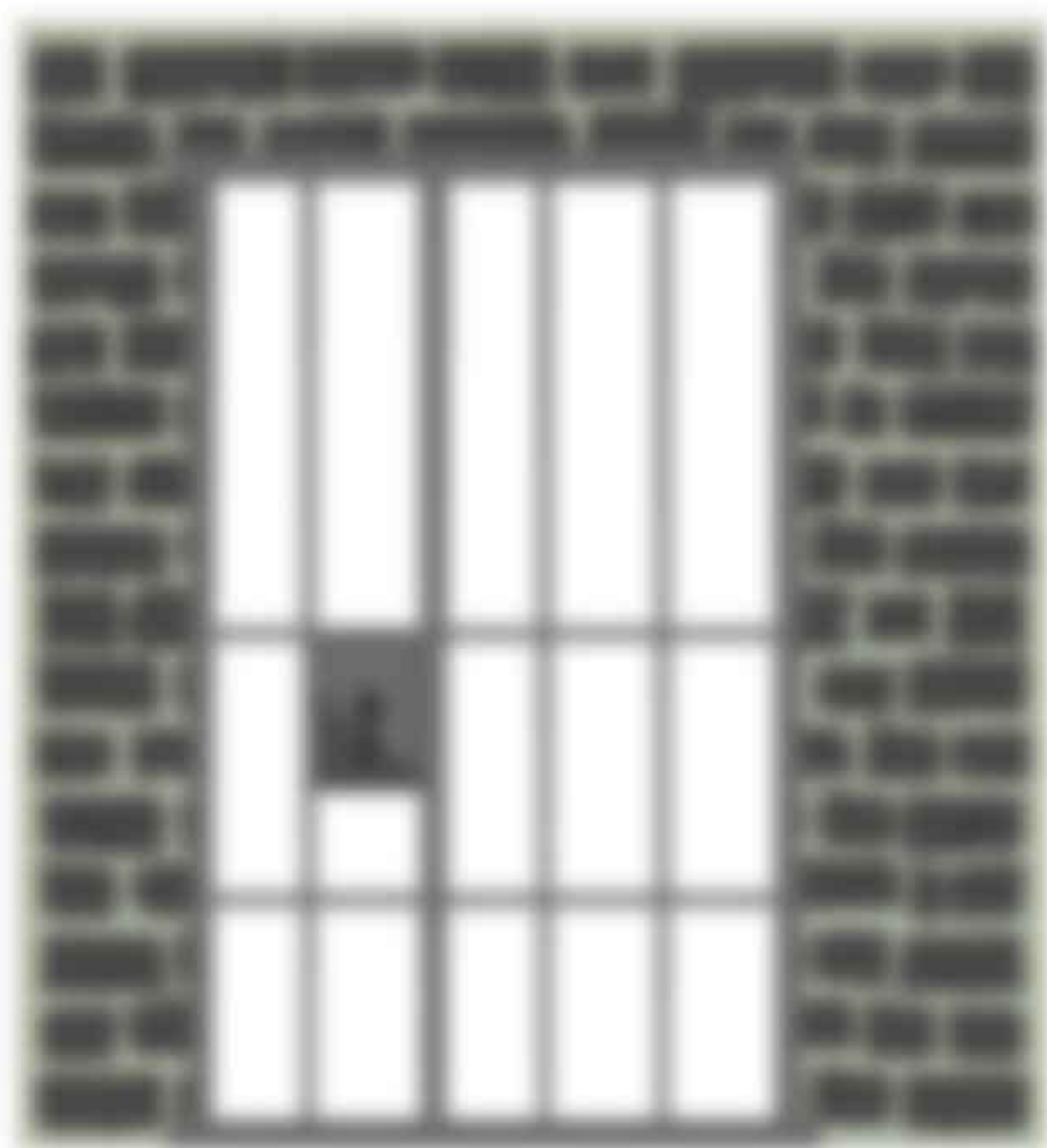
Điều 20: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể



Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình

Chương II: Quyền con người

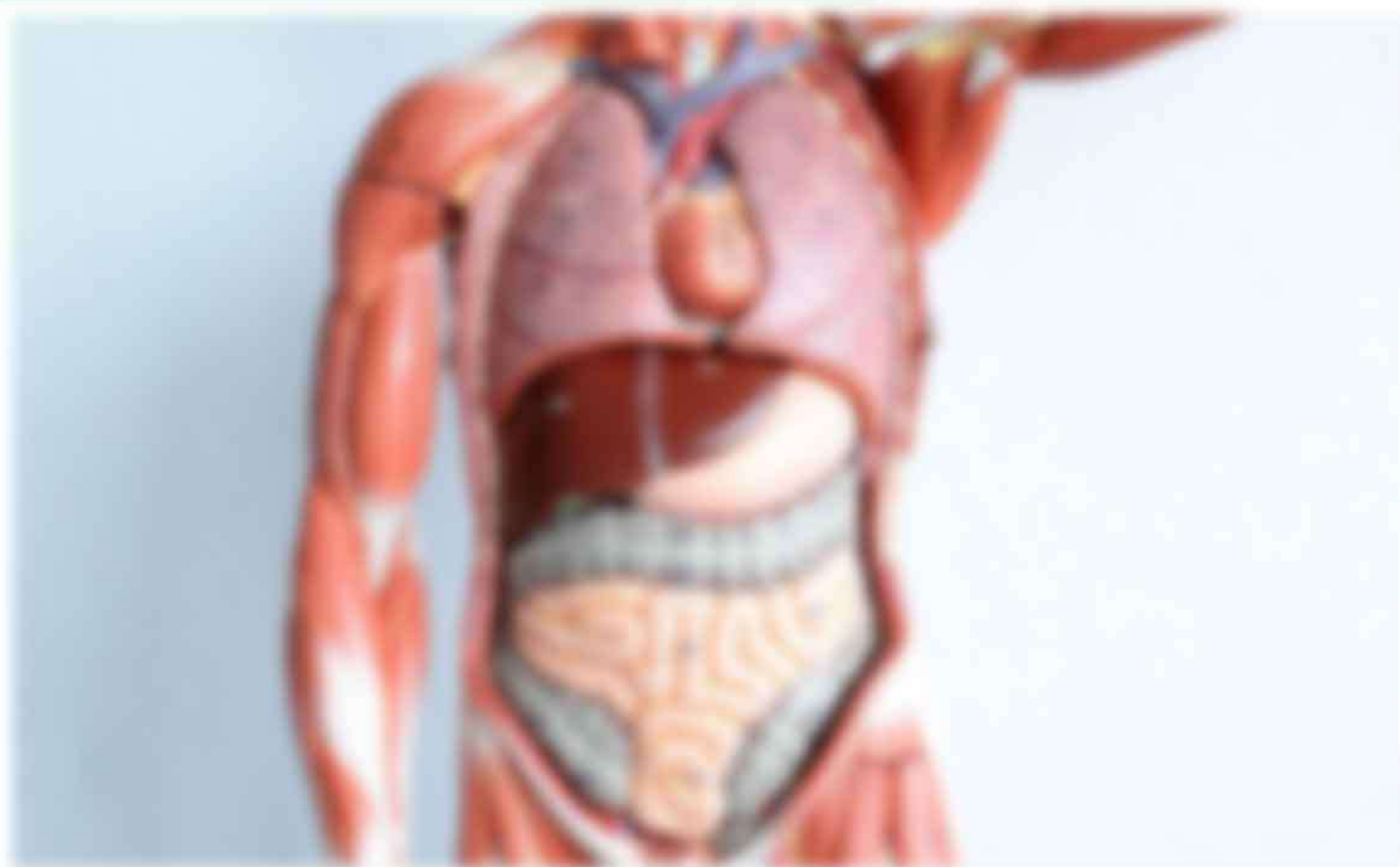
Điều 20: Quyền bắt nhả xâm phạm về thân thể



Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

Chương II: Quyển cảm người

Đề 20: Quyển bất khả xâm phạm về thân thể



Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể và bất khả xâm phạm về thân thể theo quy định của luật.

Chương II: Quyền con người

Điều 21: Bảo vệ bí mật về đời sống riêng tư



Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Chương II: Quyền con người

Điều 22: Quyền có nơi ở hợp pháp



Cộng dân có quyền có nơi ở hợp pháp. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không có sự đồng ý.

Chương II: Quyền con người

Điều 23: Quyền tự do đi lại

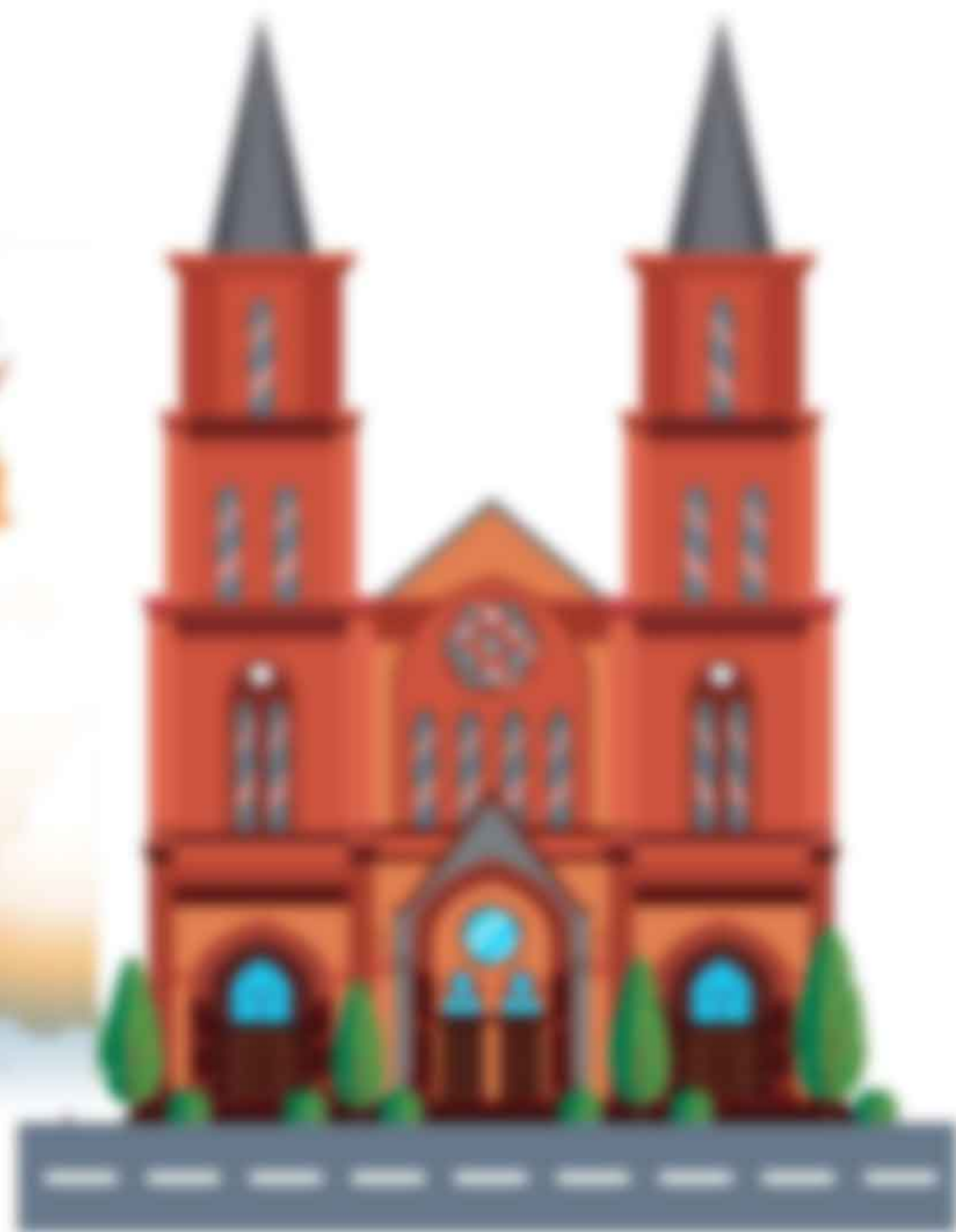
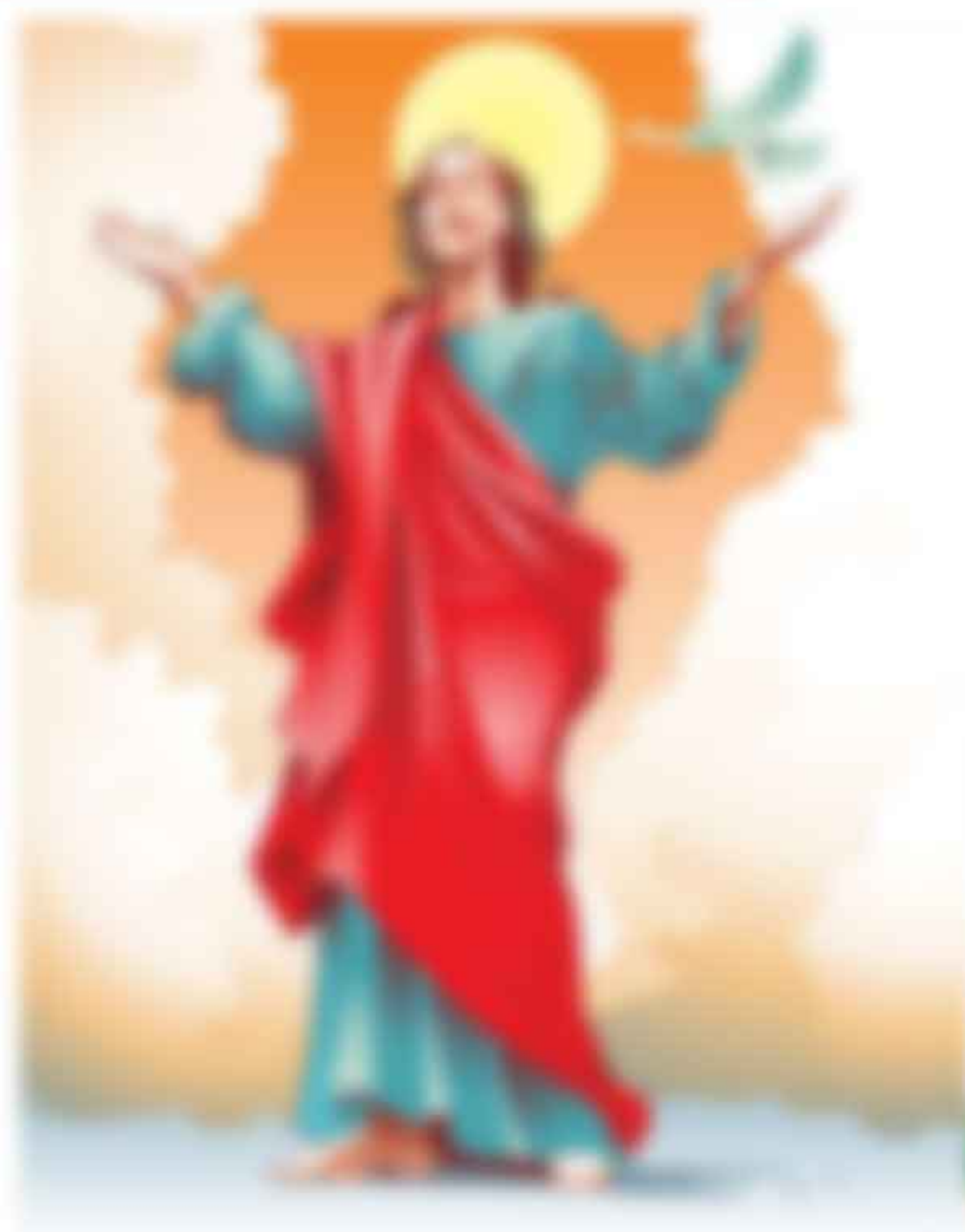


Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước.

Chương II: Quyền con người

Điều 24: Quyền tự do tin ngưỡng, tôn giáo

Mọi người có quyền tự do tin ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tin ngưỡng, tôn giáo.



Chương II: Quyền con người

Điều 25: Tự do ngôn luận, báo chí



Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình.

Chương II: Quyền con người

Điểm 26: Bình đẳng giới



Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.



Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Chương II: Quyền con người

Điều 28: Tham gia quản lý nhà nước và xã hội



Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

Chương II: Quyền con người

Điều 29. Trưng cầu dân ý



Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

Chương II: Quyền con người

Điều 30: Quyền khiếu nại, tố cáo



Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II: Quyền con người

Điều 31: Người bị buộc tội



Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Chương II: Quyền con người

Điều 32: Quyền sở hữu của cá nhân



Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác.

Chương II: Quyền con người

Điều 13: Quyền tự do kinh doanh



Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Chương II: Quyền con người

Điều 35: Quyền được có việc làm



Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

Chương II: Quyền con người

Đoạn 36: Quyền kết hôn, ly hôn



Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Đăng ký học để download FULL tài liệu bản đẹp
Zalo, Mobile: 0913.106015